

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI
TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tiến Dương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2011, miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2012, tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Trần Mạnh Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Huỳnh Văn Thi	Thành viên
Ông Đào Văn Đại	Thành viên
Ông Vũ Thành Chung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)
Bà Lê Thị Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)
Ông Tetsuji Nagata	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thi	Giám đốc
Ông Lâm Quốc Khanh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2013)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Hồ Minh Trí	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Huỳnh Văn Thi
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: 268 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản Trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.344.032.520.827	1.820.915.755.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	691.425.622.186	527.206.222.588
1. Tiền	111		60.565.622.186	75.954.808.213
2. Các khoản tương đương tiền	112		630.860.000.000	451.251.414.375
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		472.036.443.745	545.755.919.612
1. Phải thu khách hàng	131	6	398.735.398.888	467.852.825.928
2. Trả trước cho người bán	132		14.516.451.208	4.789.172.809
3. Các khoản phải thu khác	135	7	76.729.579.861	90.122.428.778
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.944.986.212)	(17.008.507.903)
III. Hàng tồn kho	140	8	975.522.575.782	617.382.056.146
1. Hàng tồn kho	141		990.829.894.756	635.242.845.751
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.307.318.974)	(17.860.789.605)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		205.047.879.114	130.571.556.688
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		549.530.063	816.537.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		203.612.239.146	128.938.663.288
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		886.109.905	816.355.901
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		8.176.955.552	7.767.654.510
I. Tài sản cố định	220		2.060.193.497	2.791.273.696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.942.001.173	2.676.090.735
- Nguyên giá	222		5.697.793.889	6.769.975.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.755.792.716)	(4.093.884.278)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	118.192.324	115.182.961
- Nguyên giá	228		891.153.105	878.148.832
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(772.960.781)	(762.965.871)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.350.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.350.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.766.762.055	4.976.380.814
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.046.978.730	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.719.783.325	4.976.380.814
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.352.209.476.379	1.828.683.409.544

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.099.872.380.256	1.681.597.739.756
I. Nợ ngắn hạn	310		2.097.820.361.987	1.679.695.721.487
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	1.547.387.133.107	1.111.978.397.832
2. Phải trả người bán	312		408.954.635.308	270.881.332.520
3. Người mua trả tiền trước	313		4.789.354.953	2.236.165.729
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	17.429.201.948	38.616.341.594
5. Phải trả người lao động	315		12.680.574.306	34.947.193.210
6. Chi phí phải trả	316		4.235.173.215	5.047.791.673
7. Phải trả nội bộ	317	14	50.623.954.453	138.316.862.285
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	46.077.733.743	71.644.185.690
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.642.600.954	6.027.450.954
II. Nợ dài hạn	330		2.052.018.269	1.902.018.269
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.052.018.269	1.902.018.269
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		252.337.096.123	147.085.669.788
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	252.337.096.123	147.085.669.788
1. Vốn điều lệ	411		142.227.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.340.500.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.977.707.165	4.977.707.165
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		71.791.888.958	22.107.962.623
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.352.209.476.379	1.828.683.409.544
			30/6/2013	31/12/2012

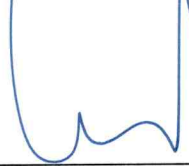
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

USD	125.225	188.168
EUR	105	105


 Phan Hải Âu
 Người lập biểu


 Lê Thị Chiến
 Kế toán trưởng


 Huỳnh Văn Thi
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

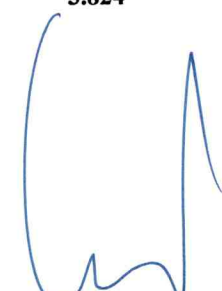
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng	01		2.745.558.013.371	2.669.069.894.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73.866.111.668	128.606.998.261
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		2.671.691.901.703	2.540.462.896.476
4. Giá vốn hàng bán	11		2.510.676.530.290	2.355.416.950.798
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		161.015.371.413	185.045.945.678
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	27.021.574.152	14.200.102.835
7. Chi phí tài chính	22	20	44.788.864.683	62.812.689.866
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.295.271.668	50.191.320.586
8. Chi phí bán hàng	24		41.715.242.300	35.974.320.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.775.234.781	37.048.058.705
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		62.757.603.801	63.410.979.143
11. Thu nhập khác	31		3.875.938.720	778.510.017
12. Chi phí khác	32		316.594.534	45.942.472
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	3.559.344.186	732.567.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		66.316.947.987	64.143.546.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	15.892.888.193	22.391.422.253
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		50.424.059.794	41.752.124.435
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.824	3.479


Phan Hải Âu
Người lập biểu


Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Thi
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	66.316.947.987	64.143.546.688
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	491.137.534	452.519.102
Các khoản dự phòng	03	(1.616.992.322)	23.554.634.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.796.124.676	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(17.633.309.369)	(4.815.128.409)
Chi phí lãi vay	06	37.295.271.668	50.191.320.586
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	86.649.180.174	133.526.892.320
Thay đổi các khoản phải thu	09	589.042.058	(20.465.047.899)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(355.587.049.005)	8.479.202.118
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.929.497.363	255.548.377.838
Thay đổi chi phí trả trước	12	(437.904.316)	(955.531.037)
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.968.798.126)	(51.007.976.562)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36.471.555.246)	(22.192.505.922)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.266.597.489	43.783.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(388.850.000)	(875.805.062)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(332.419.839.609)	302.101.388.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(335.757.909)	(278.075.750)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	153.879.592	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.350.000.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được	27	15.153.689.011	5.366.641.448
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.621.810.694	5.088.565.698
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	55.567.500.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.900.054.363.367	2.076.287.349.164
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.467.731.917.921)	(2.262.746.494.909)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(4.981.275.052)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	482.908.670.394	(186.459.145.745)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	164.110.641.479	120.730.808.748
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	527.206.222.588	169.870.015.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	108.758.119	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	691.425.622.186	290.600.823.754


Phan Hải Âu
Người lập biểu


Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Thi
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 28 tháng 6 năm 2013, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PSD.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 246 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 265).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; quảng cáo.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được trích lập đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2013
 đến ngày 30/6/2013
 (Số năm)

Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	273.684.287	715.476.353
Tiền gửi ngân hàng	60.291.937.899	75.239.331.860
Các khoản tương đương tiền (i)	630.860.000.000	451.251.414.375
	<u>691.425.622.186</u>	<u>527.206.222.588</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn hoặc thanh khoản dưới ba tháng tại các ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thế giới di động	35.947.583.864	77.508.191.445
Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Điện tử	27.905.359.271	187.013.043
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc Hải	15.180.593.000	30.308.098.032
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khương Việt	9.606.685.083	9.506.716.400
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	8.708.890.731	8.999.369.254
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Phương Tùng	7.456.943.918	6.615.225.818
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện thoại Kim Thanh	6.402.870.400	9.038.134.000
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	5.492.141.242	44.453.893.472
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	5.098.965.000	13.156.055.000
Công ty TNHH Thông tin Di động	2.839.824.000	12.160.000.000
Khác	274.095.542.379	255.920.129.464
	<u>398.735.398.888</u>	<u>467.852.825.928</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một phần các khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam và Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	47.001.729.338	38.720.510.028
Nokia Corporation	-	25.810.950.049
Khác	29.727.850.523	25.590.968.701
	<u>76.729.579.861</u>	<u>90.122.428.778</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	40.532.009.730	48.210.420.865
Hàng hóa	946.774.479.542	566.695.029.039
Hàng gửi đi bán	3.523.405.484	20.337.395.847
Cộng	990.829.894.756	635.242.845.751
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.307.318.974)	(17.860.789.605)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>975.522.575.782</u>	<u>617.382.056.146</u>

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.553.470.631 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một phần giá trị hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	3.543.117.432	3.226.857.581	6.769.975.013
Tăng trong kỳ	-	205.210.636	205.210.636
Phân loại lại (i)	(80.929.091)	(1.008.658.974)	(1.089.588.065)
Thanh lý, nhượng bán	-	(187.803.695)	(187.803.695)
Tại ngày 30/6/2013	3.462.188.341	2.235.605.548	5.697.793.889
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	1.609.292.071	2.484.592.207	4.093.884.278
Khấu hao trong kỳ	232.714.087	211.334.174	444.048.261
Phân loại lại (i)	(51.184.986)	(697.030.734)	(748.215.720)
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.924.103)	(33.924.103)
Tại ngày 30/6/2013	1.790.821.172	1.964.971.544	3.755.792.716
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	1.671.367.169	270.634.004	1.942.001.173
Tại ngày 01/01/2013	1.933.825.361	742.265.374	2.676.090.735

(i) Giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 VND theo hướng dẫn của Thông thư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.967.035.981 VND (31 tháng 12 năm 2012 là 2.570.223.722 VND).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	878.148.832
Tăng trong kỳ	130.547.273
Phân loại lại	(117.543.000)
Tại ngày 30/6/2013	891.153.105
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	762.965.871
Khấu hao trong kỳ	47.089.273
Phân loại lại	(37.094.363)
Tại ngày 30/6/2013	772.960.781
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	118.192.324
Tại ngày 01/01/2013	115.182.961

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí với tỷ lệ sở hữu là 9% vốn điều lệ của công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (i)	463.740.763.278	383.278.275.232
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam (ii)	285.761.011.316	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)	20.430.000.000	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (iv)	323.104.561.330	296.034.897.480
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam (v)	366.933.606.462	305.159.533.539
Ngân hàng TNHH Indovina (vi)	87.417.190.721	127.505.691.581
	<u>1.547.387.133.107</u>	<u>1.111.978.397.832</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0130/KH/13NH ngày 28 tháng 5 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 600 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương và đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2014. Khoản vay được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 339B/DVTHDK-TCKT ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với số tiền 600 tỷ VND và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng kế ước vay và có thời hạn dưới 6 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BLF/13-11 ngày 15 tháng 4 năm 2013. Khoản tín dụng này có thể rút bằng USD hoặc đồng tiền khác tương đương với số tiền rút tối đa là 15 triệu USD. Khoản tín dụng này được đảm bảo bằng hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty (xem Thuyết minh số 8). Khoản vay chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng kế ước nhận nợ và có thời hạn dưới 3 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng tín dụng số 054/2013/HĐTD/CIB-HCM ngày 25 tháng 01 năm 2013 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 054/2013/HĐTD/CIB-HCM/PLHĐ ngày 24 tháng 04 năm 2013 với tổng số tiền là 20.430.000.000 VND và đáo hạn ngày 25 tháng 07 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 45162044/10.01.2013/HDTG ngày 10 tháng 01 năm 2013 với giá trị là 50 tỷ VND. Lãi vay và gốc vay được thanh toán vào thời điểm đáo hạn của khoản vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam theo Thư tín dụng số VNM 111686 ngày 09 tháng 11 năm 2011 và các thỏa thuận bổ sung. Khoản tín dụng này có thể rút bằng USD hoặc đồng tiền khác tương đương với số tiền rút tối đa là 17 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số VNM 09121 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với số tiền 17 triệu USD và Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số VNM 111686 với giá trị tối thiểu là 18 triệu USD (xem Thuyết minh số 6). Khoản vay chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng kế ước nhận nợ và có thời hạn dưới 4 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng sửa đổi ngày 07 tháng 9 năm 2010, Hợp đồng sửa đổi ngày 23 tháng 4 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi ngày 05 tháng 4 năm 2013. Khoản tín dụng này có thể rút bằng USD hoặc đồng tiền khác tương đương với số tiền rút tối đa là 25 triệu USD. Khoản tín dụng này được đảm bảo bằng hàng tồn kho (xem Thuyết minh số 8) và các khoản phải thu (xem Thuyết minh số 6) của Công ty theo phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 23 tháng 4 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng thông báo rút vốn và có thời hạn dưới 4 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 47/0413/CL/1026876 ngày 25 tháng 4 năm 2013. Hạn mức tín dụng tối đa là 20 triệu USD và đáo hạn vào ngày 25 tháng 4 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 47/0413/HĐBL ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với số tiền là 20 triệu USD và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng giấy cam kết trả nợ và có thời hạn dưới 6 tháng.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.565.280.790	70.612.719.809	71.068.981.468	9.109.019.131
Thuế xuất, nhập khẩu	260.122.096	1.481.689.058	1.701.903.531	39.907.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.931.983.851	15.892.888.193	36.471.555.246	7.353.316.798
Thuế thu nhập cá nhân	858.954.857	13.559.867.061	13.491.863.522	926.958.396
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Các loại thuế khác	-	6.773.167	6.773.167	-
	38.616.341.594	101.559.937.288	122.747.076.934	17.429.201.948

14. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

Phải trả nội bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện số tiền Công ty còn phải trả Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả đại lý, khách hàng	30.490.183.860	41.932.728.345
Các khoản thu/chi hộ nhà cung cấp cho đại lý	12.180.770.192	6.887.612.555
Kinh phí công đoàn	23.666.659	702.280.482
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	28.396.645	37.493.172
Cổ tức	455.384.623	4.696.526.216
Khác	2.899.331.764	17.387.544.920
	46.077.733.743	71.644.185.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2011	120.000.000.000	-	4.210.828.200	-	16.052.604.907	140.263.433.107
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(4.210.828.200)	-	-	(4.210.828.200)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	101.084.014.288	101.084.014.288
Trích quỹ	-	-	-	4.977.707.165	(6.968.790.031)	(1.991.082.866)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(88.059.866.541)	(88.059.866.541)
Tại ngày 31/12/2012	120.000.000.000	-	-	4.977.707.165	22.107.962.623	147.085.669.788
Nhận vốn góp (i)	22.227.000.000	33.340.500.000	-	-	-	55.567.500.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	50.424.059.794	50.424.059.794
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(740.133.459)	(740.133.459)
Tại ngày 30/6/2013	142.227.000.000	33.340.500.000	-	4.977.707.165	71.791.888.958	252.337.096.123

(i) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 15 tháng 6 năm 2012 và Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Quản trị, vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng từ 120 tỷ VND lên 150 tỷ VND theo phương thức phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên thành 142.227.000.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/BB-PSD ngày 02 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã thống nhất chia cổ tức trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 bằng 74% vốn điều lệ, tương ứng 88,8 tỷ VND. Do Công ty đã tạm chia cổ tức trong năm 2012 với số tiền 88.059.866.541 VND nên phần cổ tức còn lại ghi nhận vào kỳ hoạt động này là 740.133.459 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 7 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 142.227.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Vốn đã góp tại ngày			
		30/6/2013		31/12/2012
	%	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	79,87	113.600.000.000	94,67	113.600.000.000
Các cổ đông khác	20,13	28.627.000.000	5,33	6.400.000.000
	100	142.227.000.000	100	120.000.000.000

Cổ phiếu

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.222.700	12.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	14.222.700	12.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	14.222.700	12.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố của Công ty tại từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Trong kỳ, Công ty chủ yếu phân phối hàng điện tử (chủ yếu là điện thoại di động, máy tính xách tay), các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	36.661.867.532	31.909.026.731
Chi phí khấu hao	491.137.534	452.519.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.400.993.706	38.630.543.579
	79.553.998.772	70.992.089.412

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.633.309.369	4.268.230.979
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.816.604.465	8.018.778.802
Khác	5.571.660.318	1.913.093.054
	27.021.574.152	14.200.102.835

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.295.271.668	50.191.320.586
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.973.046.870	7.734.128.609
Khác	3.520.546.145	4.887.240.671
	44.788.864.683	62.812.689.866

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Thuế nhập khẩu được hoàn các năm trước	3.211.430.172	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	153.879.592	-
Khác	510.628.956	778.510.017
Thu nhập khác	3.875.938.720	778.510.017
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	153.879.592	-
Khác	162.714.942	45.942.472
Chi phí khác	316.594.534	45.942.472
Lợi nhuận khác	3.559.344.186	732.567.545

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.316.947.987	64.143.546.688
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.908.851.959)	(570.094.927)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	163.456.745	25.992.237.249
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	63.571.552.773	89.565.689.010
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.892.888.193	22.391.422.253

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/6/2012 đến ngày 30/6/2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	50.424.059.794	41.752.124.435
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	13.184.626	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.824	3.479

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ		8.361.253.655
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.532.568.187	10.522.853.151
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.065.356.190	14.270.424.493
	23.597.924.377	24.793.277.644

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê văn phòng tại các chi nhánh. Các hợp đồng thuê được ký cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 6 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Quyết định số 2759/QĐ-CT-TTr1-N4 ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về việc “*xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế*” đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (“PSD”)), PSD sẽ bị truy thu thuế và phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Do chưa thống nhất một số nội dung trong Quyết định xử phạt nêu trên, ngày 09 tháng 11 năm 2012 PSD đã gửi công văn tới Tổng Cục thuế để làm rõ vấn đề này. Theo Quyết định số 1061/QĐ-TCT ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Tổng Cục thuế về việc “*Giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí*”, việc tính toán chưa đúng số thuế phải nộp của PSD như trên là do vướng mắc phát sinh từ việc hướng dẫn của chính sách chưa được rõ ràng, do vậy nội dung khiếu nại của PSD gửi Tổng Cục thuế là đúng một phần.

Hiện tại, PSD đang tiếp tục gửi công văn tới Bộ Tài chính để có kết luận cuối cùng về vấn đề này. Do vậy, việc xác định số thuế phải nộp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2011 của PSD (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định của Bộ Tài Chính.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.547.387.133.107	1.111.978.397.832
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	691.425.622.186	527.206.222.588
Nợ thuần	855.961.510.921	584.772.175.244
Vốn chủ sở hữu	<u>252.337.096.123</u>	<u>147.085.669.788</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,39</u>	<u>3,98</u>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty là phù hợp với đặc thù của ngành nghề kinh doanh thương mại phân phối. Các khoản vay chỉ bao gồm vay ngắn hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	691.425.622.186	527.206.222.588
Phải thu khách hàng và phải thu khác	442.418.215.858	540.556.514.498
Đầu tư dài hạn	1.350.000.000	-
Tài sản tài chính khác	3.719.783.325	4.976.380.814
Tổng cộng	1.138.913.621.369	1.072.739.117.900
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.547.387.133.107	1.111.978.397.832
Phải trả người bán và phải trả khác	504.770.073.010	480.023.632.673
Chi phí phải trả	4.235.173.215	5.047.791.673
Công nợ tài chính khác	2.052.018.269	1.902.018.269
Tổng cộng	2.058.444.397.601	1.598.951.840.447

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	11.767.772.729	47.444.858.873	187.727.783.291	1.281.768.401.702
Euro (EUR)	2.865.025	439.615.217	-	-
	11.770.637.754	47.884.474.090	187.727.783.291	1.281.768.401.702

Phân tích độ nhạy của ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10%, trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	17.596.001.056
Euro (EUR)	(286.503)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 30.947.742.662 VND.

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		
VND	+200	(30.947.742.662)
VND	-200	30.947.742.662

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo đó Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 17.944.986.212 VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	691.425.622.186	-	691.425.622.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	442.418.215.858	-	442.418.215.858
Đầu tư dài hạn	-	1.350.000.000	1.350.000.000
Tài sản tài chính khác	-	3.719.783.325	3.719.783.325
Tổng cộng	1.133.843.838.044	5.069.783.325	1.138.913.621.369
30/6/2013			
Các khoản vay	1.547.387.133.107	-	1.547.387.133.107
Phải trả người bán và phải trả khác	504.770.073.010	-	504.770.073.010
Chi phí phải trả	4.235.173.215	-	4.235.173.215
Công nợ tài chính khác	-	2.052.018.269	2.052.018.269
Tổng cộng	2.056.392.379.332	2.052.018.269	2.058.444.397.601
Chênh lệch thanh khoản thuần	(922.548.541.288)	3.017.765.056	(919.530.776.232)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.206.222.588	-	527.206.222.588
Phải thu khách hàng và phải thu khác	540.556.514.498	-	540.556.514.498
Tài sản tài chính khác	-	4.976.380.814	4.976.380.814
Tổng cộng	1.067.762.737.086	4.976.380.814	1.072.739.117.900
31/12/2012			
Các khoản vay	1.111.978.397.832	-	1.111.978.397.832
Phải trả người bán và phải trả khác	480.023.632.673	-	480.023.632.673
Chi phí phải trả	5.047.791.673	-	5.047.791.673
Công nợ tài chính khác	-	1.902.018.269	1.902.018.269
Tổng cộng	1.597.049.822.178	1.902.018.269	1.598.951.840.447
Chênh lệch thanh khoản thuần	(529.287.085.092)	3.074.362.545	(526.212.722.547)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ tài chính vượt quá tài sản tài chính với số tiền là 919.530.776.232 VND. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản bảo lãnh từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam cho Công ty vẫn còn hiệu lực. Theo đó, ngân hàng này đã và đang cung cấp cho Công ty các khoản bảo lãnh thanh toán với giá trị bảo lãnh là 40 tỷ VND. Khoản bảo lãnh này nằm trong hạn mức được vay tối đa 17 triệu USD tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam và được thế chấp bằng chính các tài sản đã nêu tại Thuyết minh số 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Bán hàng, thanh lý tài sản và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	3.867.776.351	4.968.301.800
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	270.099.998	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	9.925.563.242	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	102.715.145.859	-
Phí dịch vụ quản lý và khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	6.375.000.000	6.675.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	2.538.670.441	2.458.659.472
Phí sử dụng vốn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	3.982.791.074	20.860.517.633
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	1.350.000.000	-
Thông báo/trả cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	700.659.675	-
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	246.623.210	570.094.929
Thu nhập của Ban Giám đốc:		
	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	2.120.815.386	2.649.992.296
Số dư chủ yếu với các bên liên quan:		
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	-	3.488.331.991
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	78.270.000	475.820.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	2.117.421.150	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	36.712.000	260.000.000
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	11.967.590	27.803.930
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50.623.954.453	138.316.862.285
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	11.460.204.506	-
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	1.350.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 02, tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.


Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét.



Phan Hải Âu
Người lập biểu



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Thi
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013